

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sinh**.
Bà **Nông Thị Giáp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Kim Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Lương Văn Tr** (tên gọi khác **Lương Văn Ch**), sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã Lương T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của đương sự nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

* Về hôn nhân: Chị H và anh **Lương Văn Tr** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 01/6/2010 hai vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau dẫn

đến bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Lương Văn Tr.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Lương Hữu H, sinh ngày 02/01/2010. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Lương Văn Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 29/7/2021 ông Lương Văn P trình bày lại ý kiến của bị đơn anh Lương Văn Tr như sau:

Ông đã gọi điện thoại cho anh Lương Văn Tr để anh Tr cung cấp thông tin về nơi ở, nơi làm việc của anh Tr ở thành phố Hà Nội cũng như ý kiến của anh Tr về việc chị H xin ly hôn với anh Tr thì được anh Tr cung cấp thông tin như sau:

Anh Tr đang đi làm bốc vác tự do ở thành phố Hà Nội, không có nơi ở, nơi làm việc cụ thể và cũng không đăng ký tạm trú ở thành phố Hà Nội.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh Tr có ý kiến là do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng trong cuộc sống và hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay nên anh Tr nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Tr đề nghị giao con chung Lương Hữu H, sinh ngày 02/01/2010 cho chị H trực tiếp nuôi. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và cho ai nợ.

Do hiện nay anh Tr đang ở thành phố Hà Nội là vùng có dịch bệnh Covid 19 nên anh Tr không về Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn để giải quyết việc ly hôn giữa anh Tr và chị H được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Anh Tr có nhờ ông P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và ông P cam kết sau khi nhận được sẽ thông báo ngay nội dung của các văn bản tố tụng cho anh Tr được biết.

Tại biên bản xác minh ngày 16/8/2021 ông Nông Thiêm T cung cấp thông tin như sau:

Ông T giữ chức vụ Trưởng thôn của thôn P từ năm 2011 đến nay. Chị Hà Thị H và anh Lương Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị H và anh Tr sinh sống ở thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống chị H và anh Tr có phát sinh mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Tuy hai vợ chồng chị H, anh Tr có phát sinh mâu thuẫn

nhưng do chị H và anh Tr không đề nghị Tổ hòa giải của thôn tổ chức hòa giải nên ông không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của hai vợ chồng là gì.

Tại biên bản xác minh ngày 16/8/2021 ông Nông Thiêm G cung cấp thông tin như sau:

Ông G giữ chức vụ Trưởng ban mặt trận thôn P. Chị Hà Thị H và anh Lương Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị H và anh Tr có phát sinh mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Tuy hai vợ chồng chị H, anh Tr có phát sinh mâu thuẫn nhưng do chị H và anh Tr không đề nghị Tổ hòa giải của thôn tổ chức hòa giải nên ông không nắm được mâu thuẫn của hai vợ chồng là gì.

Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2021 ông Trịnh Phi H là Trưởng Công an xã L cung cấp thông tin như sau:

Qua kiểm tra sổ đăng ký, quản lý thường trú của thôn P, xã L lưu tại Công an xã thấy, anh Lương Văn Tr là chủ hộ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chưa chuyển hộ khẩu ra khỏi địa phương.

Hiện nay anh Lương Văn Tr không có mặt tại địa phương nhưng do trước khi đi ra khỏi địa phương, anh Tr không khai báo nên Công an xã không nắm được anh Tr đi đâu và làm gì.

Tại giấy xác nhận ngày 16/8/2021 Công an xã L xác nhận:

Họ và tên Lương Văn Tr, sinh ngày 16/5/1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ghi trong Sổ hộ khẩu số 050087410, cấp ngày 07/9/2016 và họ và tên Lương Văn Ch, sinh ngày 16/5/1989; nơi cư trú: Thôn P, xã Lương Th, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ghi trong Trích lục kết hôn số 02/TLKH-BS, ngày 10/6/2021 là một người.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H được ly hôn với anh Tr.

- *Về con chung:* Giao con chung Hà Hữu H, sinh ngày 02/01/2010 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn Tr. Bị đơn anh Lương Văn Tr có hộ khẩu thường trú tại: Thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn chị Hà Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lương Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị H và anh Lương Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Lời trình bày của chị H về nguyên nhân dẫn đến việc hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn phù hợp với lời trình bày của anh Tr cung cấp mà tòa án đã xác minh qua bố đẻ của anh Tr. Cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tr đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh Tr.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị H và anh Ch có 01 (Một) con chung tên là Lương Hữu H, sinh ngày 02/01/2010. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Xét yêu cầu của chị H về việc sau khi ly hôn chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với ý kiến của anh Tr là giao con chung cho chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:*

- Về tài sản chung: Chị H và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh Tr đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Hà Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lương Văn Tr (tên gọi khác Lương Văn Ch).

2. Về con chung: Giao con chung Lương Hữu H, sinh ngày 02/01/2010 cho chị Hà Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Lương Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07021, ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Thanh Bình

